

Bản án số: 190/2022/HC-PT

Ngày: 26/07/2022

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân

Ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Mai, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Ánh, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 79/2022/TLPT-HC ngày 21 tháng 4 năm 2022, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HC- ST ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1890/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Văn V, sinh năm: 1962; vắng mặt

Địa chỉ: Xóm 5, Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Văn H, sinh năm: 1994 (*Theo Văn bản ủy quyền ngày 02/7/2021 và ngày 10/01/2022*); địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, đơn xin xét xử vắng mặt

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt

Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi.

2.3. Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S.

2.4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt

Địa chỉ: Xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt

Địa chỉ: Xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3.2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1977; vắng mặt

3.3. Chị Trần Thị H, sinh năm: 1996; vắng mặt

3.4. Cháu Trần Văn Q, sinh năm: 2005; vắng mặt

Người đại diện theo pháp luật của cháu Trần Văn Q: Ông Trần Văn V, sinh năm: 1970.

Cùng địa chỉ: Xóm 5, Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2021, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 12/5/2021 của ông Trần Văn V; trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn V là anh Trịnh Văn H trình bày:*

Nguyên thửa đất số 1197, diện tích 929m² tờ bản đồ số 38, tại thôn T, xã T, huyện S hiện nay là đất do Hợp tác xã T quản lý dùng để bắt mạ phục vụ cấy lúa. Khi có nước thạch nham vào khoảng năm 1989 -1990 thì thửa đất này bỏ hoang không ai sử dụng, đến năm 1993-1994, gia đình ông V phát dọn thực bì thửa đất này sau đó dùng vào việc trồng lúa, tía đậu, bắp.

Đối với các thửa đất số 888, diện tích 1.435m²; thửa đất số 1138, diện tích 310m²; thửa đất số 882, diện tích 260m² cùng tờ bản đồ số 38, tại thôn T, xã T là đất hoang cây cối mọc um tùm và do ông nội của ông V khai hoang sử dụng trước năm 1980, sau đó ông nội ông V già yếu nên lúc này giao lại các thửa đất này cho cô ruột ông V là Trần Thị H và ông V tiếp tục quản lý, sử dụng. Bà H và ông V cùng sử dụng các thửa đất trên, đến khoảng năm 1985 thì bà H giao lại cho ông V sử dụng ổn định, liên tục cho đến nay.

Tuy nhiên, hiện nay các thửa đất số 888, diện tích 1.435m²; thửa đất số 1138, diện tích 310m²; thửa đất số 882, diện tích 260m²; thửa đất số 1197, diện tích 929m² cùng tờ bản đồ số 38, tại thôn T, xã T, huyện S trùng vào dự án X thì Ủy ban nhân dân (UBND) xã T cho rằng thửa đất này là đất do UBND xã T quản lý nên dẫn đến UBND huyện S ban hành các Quyết định thu hồi đất số: 5020/QĐ-UBND, 5021/QĐ-UBND, 5022/QĐ-UBND, 5023/QĐ-UBND cùng ngày 30/12/2019 và Quyết định số 5202/QĐ- UBND ngày 31/12/2019 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Văn V bị ảnh hưởng dự án: Khu Công nghiệp X Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T, huyện S - Phần đất nông nghiệp (đợt 23); theo bảng kê đơn giá bồi thường kèm theo Quyết định số 5202/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 thì gia đình ông V chỉ được bồi thường giá trị về đất là 30%.

Sau đó, ông có khiếu nại gửi cho Chủ tịch UBND huyện S giải quyết. Ngày 08/7/2020, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 1128/QĐ-

UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn V có nội dung: Bác nội dung khiếu nại đề ngày 26/3/2020 của ông Trần Văn V: Khiếu nại 1 phần (phần bồi thường về đất) Quyết định số 5202/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện S về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Văn V, thường trú xã T, huyện S bị ảnh hưởng bởi dự án: Khu Công nghiệp X Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T, huyện S - phần đất nông nghiệp (đợt 23). Ông V tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi giải quyết.

Ngày 08/01/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 36/QĐ-UBND về việc không công nhận nội dung khiếu nại của ông Trần Văn V đối với yêu cầu hủy 01 phần Quyết định số 5202/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi và hủy Quyết định số 1128/QĐ-UBND, ngày 08/07/2020 của Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông V cho rằng UBND huyện S; Chủ tịch UBND huyện S, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành các quyết định nêu trên là xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của ông V và gia đình ông bởi:

Các thửa đất số 888, diện tích 1.435m²; thửa đất số 1138, diện tích 310m²; thửa đất số 882, diện tích 260m² cùng tờ bản đồ số 38, tại thôn T, xã T là đất hoang cây cối mọc um tùm và các thửa đất này do ông nội của ông V khai hoang sử dụng trước năm 1980, sau đó ông nội ông V già yếu nên lúc này giao lại các thửa đất này cho cô ông V là bà Trần Thị H và ông V tiếp tục quản lý, sử dụng. Bà H và ông V cùng sử dụng các thửa đất trên đến khoảng năm 1985 thì bà H giao lại cho ông V sử dụng ổn định, liên tục cho đến nay. Ông V sử dụng các thửa đất số 888, diện tích 1.435m²; thửa đất số 1138, diện tích 310m²; thửa đất số 882, diện tích 260m² cùng tờ bản đồ số 38, tại thôn T, xã T, gia đình ông V sử dụng nhưng ông V không nộp thuế đất nông nghiệp vì ông V không được cơ quan nhà nước yêu cầu nộp thuế diện tích các thửa đất trên và ông vẫn chưa đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất này.

Đối với thửa đất số 1197, diện tích 929m² tờ bản đồ số 38, tại thôn T, xã T, huyện S hiện nay nguyên là đất của Hợp tác xã T quản lý. Tuy nhiên, đây là đất bạc màu nên thửa đất này bỏ hoang không ai sử dụng. Vì vậy, vào khoảng năm 1993-1994 lúc này gia đình ông V ra phát dọn khai hoang thửa đất này sau đó dùng vào việc trồng lúa, tía đậu, bắp cho đến nay. Thửa đất số 1197, diện tích 929m² tờ bản đồ số 38, tại thôn T, xã T gia đình ông V tự khai hoang sử dụng và không được Hợp tác xã T giao và không không phải đất cân đối theo Nghị định 64/CP. Từ khi gia đình ông V sử dụng các thửa đất nêu trên cho đến nay ông V chưa bị UBND xã T lập biên bản về việc lấn chiếm hay sử dụng đất trái phép, cũng như gia đình ông V cũng không thấy UBND xã T có ý kiến gì về việc sử dụng đất của gia đình ông và UBND xã T cũng không quản lý, sử dụng liên

quan đến các thửa đất này. Mặt khác, 02 thửa đất này khi thực hiện Nghị định 64/CP thì UBND xã T vẫn không cân đối giao 02 thửa đất này cho hộ gia đình cá nhân nào, nên gia đình ông V quản lý, sử dụng ổn định liên tục cho đến nay.

Ngoài ra tại Biên bản làm việc ngày 7/5/2020 giữa Thanh tra huyện S với UBND xã T thì UBND xã T trình bày: Từ năm 1981, HTX Nông nghiệp T được thành lập, các hộ dân tại thôn T tự nguyện đưa đất vào HTX và các hộ dân này là xã viên Hợp tác xã khi thực hiện Nghị định 64/CP, các thửa đất số: 888/1.435m², 1138/310m², 882/260m², 1197/929m², tờ bản đồ số 38, thuộc vùng đất cát trắng bạc màu, canh tác không hiệu quả, nên Tổ thực hiện Nghị định 64/CP của thôn T không cân đối giao đất cho các hộ dân mà đưa vào đất công ích do UBND xã T quản lý; và UBND xã T cũng không rõ tại thời điểm thực hiện Nghị định 64/CP thì các thửa đất này ai là người đang sử dụng.

Các thửa đất số: 888/1.435m², 1138/310m², 882/260m², 1197/929m², tờ bản đồ số 38, UBND xã T đã đưa vào đất công ích; tuy nhiên, từ khi đưa vào đất công ích UBND xã T chưa thực hiện việc quản lý theo quy định, thể: chưa ký hợp đồng cho thuê đất công ích. UBND xã T khẳng định việc UBND xã T xác nhận các thửa đất số: 888/1.435m², 1138/310m², 882/260m², 1197/929m², tờ bản đồ số 38, xã T là đất công ích do UBND xã quản lý là đúng theo hồ sơ lưu trữ và quản lý tại xã.

Theo trình bày tại Biên bản làm việc ngày 7/5/2020 của UBND xã T nêu trên cho thấy các thửa đất trên khi thực hiện Nghị định 64/CP thì UBND xã T cũng không rõ các thửa đất này ai là người đang sử dụng và UBND xã T cũng không quản lý. Điều này có cơ sở xác định ông V và ông nội ông V khai hoang sử dụng các thửa đất nêu trên là hoàn toàn có cơ sở.

Ngoài ra, ông V cho rằng việc UBND huyện S ban hành các Quyết định số 5020/QĐ-UBND ngày 30/12/2019; Quyết định số 5021/QĐ-UBND ngày 30/12/2019; Quyết định số 5022/QĐ-UBND ngày 30/12/2019; Quyết định số 5023/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 thu hồi các thửa đất là đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng là không đúng đối tượng sử dụng đất và chủ sử dụng đất bởi các thửa đất nêu trên gia đình ông V là người trực tiếp khai hoang sử dụng ổn định, liên tục, không tranh chấp cho đến nay. Do đó, các quyết định hành chính của UBND huyện S, Chủ tịch UBND huyện S, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông V.

Vì vậy, ông V đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết:

- Hủy 01 phần Quyết định số 5202/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện S về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Văn V; bị ảnh hưởng dự án: Khu Công nghiệp Vsip Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T, huyện S - Phần đất nông nghiệp (đợt 23) liên quan đến việc bồi thường giá trị về đất.

- Hủy Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi về việc bác nội dung khiếu nại đề ngày 26/3/2020 của ông Trần Văn V.

- Hủy Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc không công nhận nội dung khiếu nại của ông Trần Văn V đối với yêu cầu hủy 01 phần Quyết định số 5202/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện S và hủy Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 08/07/2020 của Chủ tịch UBND huyện S.

- Hủy Quyết định số 5020/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND huyện S về thu hồi 929m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1197, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất HNK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy Quyết định số 5021/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND huyện S về thu hồi 260m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 882, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất HNK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy Quyết định số 5022/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND huyện S về thu hồi 310m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1138, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất HNK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy Quyết định số 5023/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND huyện S về thu hồi 1.435m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 888, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất HNK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

** Người bị kiện UBND tỉnh Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi trình bày:*

Nguyên các thửa đất số: 882/260m², 888/1.435m², 1138/310m² và 1197/929m², cùng loại đất BHK, tờ bản đồ số 38, xã T (*Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 19/11/2019*) mà hộ ông Trần Văn V đang khiếu nại thuộc các thửa đất sau:

- Thửa đất số 882/260m² thuộc một phần thửa đất số 577/1.880m², loại đất Hg/đn, tờ bản đồ số 23, xã T lập theo Chỉ thị 299/TTg là đất chưa phân phối sử dụng. Sau khi thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ thì thửa đất số 577 biến động một phần thành thửa đất số 882/260m², mục đích sử dụng là ĐRM, tờ bản đồ số 38 thuộc đất công ích do UBND xã T quản lý thể hiện tại Sổ Địa chính lập ngày 14/01/2000 (Quyển số 3) đang lưu giữ tại UBND xã T.

- Thửa đất số 888/1.435m² thuộc thửa 572/2.512m², loại đất ĐM, tờ bản đồ số 23, xã T lập theo Chỉ thị 299/TTg do Đội 7 Hợp tác xã T đứng tên sử dụng ruộng đất. Sau khi thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ thì thửa đất số 572 biến động một phần thành thửa đất số 888/1.435m², mục đích sử dụng là ĐRM, tờ bản đồ số 38, xã T thuộc đất công ích do UBND xã T quản lý, thể hiện tại Sổ địa chính lập ngày 14/01/2000 (Quyển số 3) đang lưu giữ tại UBND xã T.

- Thửa đất số 1138/310m² thuộc một phần thửa đất số 574/880m², loại đất Hg/đn, tờ bản đồ số 23, xã T lập theo Chỉ thị 299/TTg là đất chưa phân phối sử dụng. Sau khi thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ thì thửa số 574 biến động thành thửa số 886/792m², mục đích sử dụng là ĐRM, tờ bản đồ số 38, xã T thuộc đất công ích do UBND xã T quản lý, thể hiện tại Sổ Địa chính lập ngày 14/01/2000 (Quyển số 3) đang lưu giữ tại UBND xã T.

- Thửa đất số 1197/929m² thuộc thửa đất số 593/976m², loại đất Mạ, tờ bản đồ số 23 lập theo Chỉ thị 299/TTg do Đội 7 HTX T đứng tên chủ sử dụng ruộng đất. Sau khi thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ thì thửa đất số 593 biến động thành các thửa đất số: 832/128m², 833/128m², 834/128m², 835/130m², 836/120m², 837/116m², 838/152m², mục đích sử dụng là ĐRM, tờ bản đồ số 38 thuộc đất công ích do UBND xã quản lý, thể hiện tại Sổ Địa chính lập ngày 14/01/2000 (Quyển số 03) đang lưu giữ tại UBND xã T.

Khi thực hiện dự án Khu Công nghiệp X Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T, huyện S - phần đất nông nghiệp (đợt 23), UBND huyện S đã tiến hành các thủ tục và ban hành các Quyết định: số 5020/QĐ-UBND thu hồi thửa 1197/929m², số 5021/QĐ-UBND thu hồi thửa số 882/260m², số 5022/QĐ-UBND thu hồi thửa số 1138/310m², số 5023/QĐ-UBND thu hồi thửa số 888/1.435m² cùng ngày 30/12/2019.

Ngày 31/12/2019, UBND huyện S ban hành Quyết định số 5202/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Văn V, trong đó bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định hiện hành của UBND tỉnh đối với các thửa đất số 882, 888, 1138 và 1197 với tổng số tiền là 26.406.000 đồng.

Không thống nhất với việc bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện S, ông Trần Văn V có đơn khiếu nại đề ngày 26/3/2020 khiếu nại Quyết định số 5202/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện S về việc chi bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định hiện hành của UBND tỉnh đối với các thửa đất số 882, 888, 1138, 1197 và yêu cầu bồi thường, hỗ trợ 100% giá trị về đất đối với các thửa đất nêu trên. Chủ tịch UBND huyện S đã thụ lý và ban hành Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 08/7/2020, không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Trần Văn V.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện S, ông Trần Văn V phát sinh đơn đề ngày 29/7/2020 tiếp khiếu đến Chủ tịch UBND tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1318/QĐ-UBND ngày 07/9/2020 về việc thụ lý và giao Chánh Thanh tra tỉnh thẩm tra, xác minh khiếu nại lần hai của hộ ông Trần Văn V. Trên cơ sở kết quả thẩm tra, xác minh của Chánh Thanh tra tỉnh tại Báo cáo số 131/BC-TTT ngày

16/11/2020 và kết quả đối thoại ngày 15/12/2020, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của hộ ông Trần Văn V, qua đó không công nhận nội dung khiếu nại của ông.

Từ các tình tiết, diễn biến sự việc và đối chiếu quy định của pháp luật, Chủ tịch UBND tỉnh nhận thấy:

Các thửa đất: 882/260m², 888/1.435m², 1138/310m² và 1197/929m², cùng tờ bản đồ số 38, xã T (*Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 19/11/2019*) là đất công ích do UBND xã T quản lý, nhưng UBND xã T không lập thủ tục để ký hợp đồng cho thuê đất công ích đối với các thửa đất nêu trên là chưa đúng quy định tại Điều 132 Luật Đất đai năm 2013 (trước đây là Điều 72 Luật Đất đai năm 2003).

Ông Trần Văn V là người trực tiếp sử dụng các thửa đất số: 882/260m², 888/1.435m², 1138/310m², 1197/929m² cho đến khi UBND huyện S thu hồi để thực hiện dự án. Trong quá trình sử dụng các thửa đất nêu trên, ông Trần Văn V không thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông V cũng không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ).

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 6 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thì ông Trần Văn V chỉ được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định hiện hành của UBND tỉnh. Do đó, UBND huyện S bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định hiện hành của UBND tỉnh (*đơn giá là 30.000 đồng/m²*) đối với các thửa đất: 882/260m², 888/1.435m², 1138/310m² và 1197/929m² cho hộ ông Trần Văn V là đúng quy định. Việc ông Trần Văn V yêu cầu bồi thường 100% về đất cho hộ ông là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của hộ ông Trần Văn V, theo đó không công nhận nội dung khiếu nại là đúng quy định của pháp luật, yêu cầu của hộ ông Trần Văn V hiện nay là không có căn cứ pháp lý để giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Trần Văn V yêu cầu tuyên hủy các quyết định của UBND huyện S về việc thu hồi các thửa đất công ích do UBND xã T quản lý, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi có ý kiến như sau:

Qua rà soát toàn bộ hồ sơ vụ việc liên quan đến trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành 04 quyết định thu hồi các thửa đất công ích do UBND xã T quản lý khi thực hiện Dự án Khu Công nghiệp X Quảng Ngãi giai đoạn 1B tại xã T - Phần đất nông nghiệp (đợt 23) mà hiện nay ông Trần Văn V đang khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh tuyên hủy, cho thấy:

Về thẩm quyền thu hồi đất: Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai 2013 và khoản 1 Điều 3 Quy chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc tiếp nhận, giải quyết các thủ tục liên quan đến lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, UBND huyện S đã ban hành 04 quyết định thu hồi các thửa đất công ích do UBND xã T quản lý mà thực tế do ông Trần Văn V đang canh tác, sử dụng để thực hiện dự án Khu Công nghiệp X Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T - Phần đất nông nghiệp (đợt 23) tại các Quyết định số 5020/QĐ-UBND thu hồi thửa 1197; 5021/QĐ-UBND thu hồi thửa 882; 5022/QĐ-UBND thu hồi thửa 1138 và 5023/QĐ-UBND thu hồi thửa 888 vào cùng ngày 30/12/2019 là đúng thẩm quyền theo quy định.

Về trình tự, thủ tục thu hồi đất: Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của UBND huyện S. UBND huyện S đã phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm điểm để thực hiện dự án: Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ X Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T (tại Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 20/6/2017).

Ngày 10/7/2017, UBND huyện S ban hành các Thông báo thu hồi đất số: 2445/TB-UBND thu hồi thửa 838, 2446/TB-UBND thu hồi thửa 835, 2447/TB-UBND thu hồi thửa 836, 2448/TB-UBND thu hồi thửa 835, 2449/TB-UBND thu hồi thửa 834, 2450/TB-UBND thu hồi thửa 833, 2451/TB-UBND thu hồi thửa 832, 2460/TB-UBND thu hồi thửa 886, 2465/TB-UBND thu hồi thửa 882 và 2498/TB-UBND thu hồi thửa 888 để thực hiện dự án.

Sau khi thông báo thu hồi đất, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện S phối hợp với UBND xã T và các đơn vị có liên quan tổ chức họp dân triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Biên bản họp ngày 21/7/2017. Ngày 24/10/2018, ông Trần Văn V cũng tiến hành tự kê khai đất đai và phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện S, UBND xã T kiểm kê đất đai và tài sản trên đất.

Vì các thửa đất nêu trên không có giấy tờ về quyền sử dụng đất nên Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện S có Công văn số 544/BQL ngày 15/8/2019 gửi UBND xã T yêu cầu xác nhận nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng, vị trí, loại đất đối với các thửa đất của các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án để làm cơ sở bồi thường theo quy định, trong đó có hộ ông

Trần Văn V; đồng thời, thông báo niêm yết công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ Dự án tại Thông báo số 546/TB-BQL ngày 15/8/2019 (có lập biên bản niêm yết ngày 15/8/2019 và biên bản kết thúc niêm yết ngày 05/9/2019).

Ngày 05/9/2019, UBND xã T có Công văn số 159/UBND đã xác nhận nguồn gốc, vị trí, loại đất, theo đó xác nhận 04 thửa đất số 882, 888, 1138, 1197 do hộ ông Trần Văn V đang sử dụng là đất công ích do UBND xã T quản lý.

Cùng ngày 19/12/2019, UBND huyện S ban hành các Thông báo thu hồi đất số: 1889/TB-UBND thu hồi thửa 1197 (được điều chỉnh từ các thửa đất 832, 833, 834, 835, 836, 837, 838), 1890/TB-UBND thu hồi thửa 1138 (được điều chỉnh từ thửa 886).

Trên ý kiến đề xuất của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, ngày 30/12/2019 UBND huyện S ban hành các Quyết định số 5020/QĐ-UBND thu hồi thửa 1197; 5021/QĐ-UBND thu hồi thửa 882; 5022/QĐ-UBND thu hồi thửa 1138 và 5023/QĐ-UBND thu hồi thửa 888 và Quyết định số 5056/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng vào cùng ngày 30/12/2019.

Như vậy, việc ban hành các quyết định thu hồi các thửa đất công ích nêu trên của UBND huyện S là đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 63, 67, 69 Luật Đất đai 2013, Điều 11 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất và Quyết định số 79/2017/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định trình tự, thủ tục khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Về nội dung quyết định thu hồi đất: UBND huyện S căn cứ vào hồ sơ địa chính lập theo Nghị định 64/CP, quá trình quản lý, sử dụng đất và Công văn số 159/UBND ngày 05/9/2019 UBND xã T về xác nhận nguồn gốc đất thì các thửa đất mà ông Trần Văn V đang canh tác, sử dụng thuộc quỹ đất công ích do UBND xã T quản lý. Vì vậy, trong quyết định thu hồi đất do UBND huyện S ban hành thể hiện các thửa đất thu hồi thuộc quỹ đất công ích do UBND xã T quản lý là có căn cứ pháp lý và đúng theo quy định pháp luật tại Điều 132 Luật Đất đai 2013.

** Người bị kiện UBND huyện S, Chủ tịch UBND huyện S trình bày:*

Các thửa đất số: 882/260m², 888/1.435m², 1138/310m² và 1197/929m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 38 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 19/11/2019) mà hộ ông Trần Văn V đang phát sinh khiếu kiện nguyên trước đây thuộc các thửa đất thể hiện theo bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg như sau:

+ Thửa đất số 888/1.435m² thuộc một phần thửa đất số 572/2.512m², loại đất ĐM; thửa đất số 1197/929m² thuộc thửa đất số 593/976m², loại đất Mạ, cùng tờ bản đồ số 23, xã T do HTX nông nghiệp T đứng tên chủ sử dụng.

+ Thửa đất số 882/260m² thuộc một phần thửa đất số 577/1.880m², loại đất Hg/đn; thửa đất số 1138/310m² thuộc một phần thửa đất số 574/880m², loại đất Hg/đn, cùng tờ bản đồ số 23, xã T, là đất chưa phân phối sử dụng.

Theo hồ sơ thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ như sau:

+ Thửa đất số 882/260m² thuộc thửa đất số 882/260m², loại đất ĐRM; thửa đất số 888/1.435m² thuộc thửa đất số 888/1.435m², loại đất ĐRM; thửa đất số 1138/310m² thuộc thửa đất số 886/792m², loại đất ĐRM; thửa đất số 1197/929m² thuộc các thửa đất số 832/128m², 833/128m², 834/128m², 835/130m², 836/120m², 837/116m², 838/152m², loại đất ĐRM, đều thuộc tờ bản đồ số 38, xã T và được đưa vào quỹ đất công ích của UBND xã T quản lý, thể hiện tại Sổ địa chính xã T lập ngày 14/01/2000.

Hộ ông Trần Văn V đang sử dụng các thửa đất số 882/260m², 888/1.435m², 1138/310m² và 1197/929m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 38 (*Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 19/11/2019*) thuộc quỹ đất công ích do UBND xã T quản lý nhưng UBND xã T không lập thủ tục để ký hợp đồng cho thuê đất công ích đối với các thửa đất nêu trên là chưa đúng quy định tại Điều 132 Luật Đất đai năm 2013 (trước đây là Điều 72 Luật Đất đai năm 2003).

Thực hiện dự án Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ X Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T, UBND huyện đã tiến hành các thủ tục và ban hành các Quyết định thu hồi đất vào ngày 30/12/2019: số 5020/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 1197/929m², số 5021/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 882/260m², số 5022/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 1138/310m², số 5023/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 888/1.435m², mà hộ ông Trần Văn V đang sử dụng.

Theo xác nhận của UBND xã T tại Công văn số 159/UBND ngày 05/9/2019 thì toàn bộ 04 thửa đất này thuộc đất công ích do UBND xã T quản lý. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 6 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thì ông Trần Văn V không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 30% giá trị đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định hiện hành của UBND tỉnh.

Theo đó, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 5202/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Văn V, trong đó chỉ bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định hiện hành của UBND tỉnh (*đơn giá 30.000 đồng/m²*) đối với 04 thửa đất số: 882/260m², 888/1.435m², 1138/310m² và 1197/929m²,

loại đất BHK, tờ bản đồ số 38, xã T là đúng quy định pháp luật. Việc ông V yêu cầu bồi thường 100% về đất cho hộ ông là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Do đó, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn V (*lần đầu*), theo đó bác toàn bộ nội dung đơn khiếu nại đề ngày 26/3/2020 của ông Trần Văn V là đúng quy định của pháp luật.

Mặt khác, trên cơ sở việc UBND tỉnh về việc ủy quyền thu hồi đất theo khoản 3 Điều 66 của Luật Đất đai năm 2013; hồ sơ, tài liệu địa chính hiện có; Công văn số 159/UBND ngày 05/9/2019 của UBND xã T về việc xác nhận nguồn gốc, vị trí, loại đất đối với các thửa đất của hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng dự án: Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ X, giai đoạn 1B, xã T (phần đất nông nghiệp) có liên quan đến các thửa đất hiện nay ông Trần Văn V đang khởi kiện, yêu cầu Tòa án tỉnh hủy các quyết định thu hồi đất cho thấy: UBND huyện ban hành các thông báo thu hồi đất và các quyết định thu hồi đất đối với các thửa đất có liên quan đến việc khởi kiện của ông Trần Văn V là đúng quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu của hộ ông Trần Văn V hiện nay là không có căn cứ pháp lý để giải quyết.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, UBND xã T trình bày:*

Việc UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 36/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với việc UBND xã không ký Hợp đồng cho thuê đất đối với ông Trần Văn V đối với các thửa đất công ích mà ông khiếu nại là do UBND xã có thông báo nhưng ông V không lên xã để ký hợp đồng thuê đất. Đề nghị Tòa án tỉnh giải quyết vụ án trên theo quy định của pháp luật.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T, chị Trần Thị H, cháu Trần Văn Q trình bày:* Thống nhất như ý kiến trình bày đã gửi đến Tòa án tỉnh của ông Trần Văn V.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 04/2022/HC- ST ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 66, 69, điểm d khoản 1 Điều 76; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ); khoản 1 Điều 6 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; các Điều 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39 và 40 Luật khiếu nại năm 2011; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn V về:

- Hủy Quyết định số 5020/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 929m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1197, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất HNK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy Quyết định số 5021/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 260m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 882, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất HNK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy Quyết định số 5022/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 310m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1138, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất HNK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy Quyết định số 5023/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 1.435m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 888, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất HNK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy 01 phần Quyết định số 5202/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Văn V bị ảnh hưởng dự án: Khu Công nghiệp Vsip Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T, huyện S – phần đất nông nghiệp (đợt 23) liên quan đến bồi thường giá trị về đất.

- Hủy Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi về việc bác nội dung khiếu nại đề ngày 26/3/2020 của ông Trần Văn V.

- Hủy Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc không công nhận nội dung khiếu nại của ông Trần Văn V đối với yêu cầu hủy 01 phần Quyết định số 5202/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện S và hủy Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 08/07/2020 của Chủ tịch UBND huyện S.

Ngày 06 tháng 3 năm 2022, ông Trần Văn V kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn V không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX tuyên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về nội dung:

[1.1] Theo các biên bản xác minh của Thanh tra huyện S, của Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi và kết luận Thanh tra số 131/BC-TTT ngày 16/11/2020 của Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi thể hiện: Ông Trần Văn V là người trực tiếp sử dụng 03 thửa đất số 882/260m², 888/1.435m² và số 1138/310m² cùng tờ bản đồ 38 (*Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 19/11/2019*) tại xã T từ trước năm 1994; riêng thửa đất số 1197/929m², tờ bản đồ 38 xã T, nguyên trước đây của là của Hợp tác xã T sử dụng gieo mạ, sau đó ông V tiếp tục sử dụng cho đến khi UBND huyện S thu hồi để thực hiện dự án Khu Công nghiệp - Đô thị Dịch vụ X Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T (*Quyết định thu hồi đất số 5020/QĐ-UBND ngày 30/12/2019, Quyết định thu hồi đất số 5021/QĐ-UBND ngày 30/12/2019, Quyết định thu hồi đất số 5022/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 và Quyết định thu hồi đất số 5023/QĐ-UBND cùng ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S*).

[1.2] Hồ sơ địa chính:

- Theo bản đồ địa chính và sổ mục kê ruộng đất (*quyển số 2*) lập năm 1987, thực hiện Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ; thể hiện:

- + Thửa đất số **882**, diện tích 260m² là đất chưa phân phối sử dụng.
- + Thửa đất số **888**, diện tích 1.435m², do Hợp tác xã T đứng tên chủ sử dụng ruộng đất.
- + Thửa đất số **1138**, diện tích 310m² là đất chưa phân phối sử dụng.
- + Thửa đất số **1197**, diện tích 929m² do Hợp tác xã T đứng tên chủ sử dụng ruộng đất.

- Sổ mục kê ruộng đất (*quyển số 06*) và Sổ địa chính (*quyển số 3*) do UBND xã T lập ngày 14/01/2000, thực hiện Nghị định 64 ngày 27/9/1993 của Chính phủ; thể hiện: Các thửa đất số **882, 888, 1138** và **1197** thuộc đất công ích do UBND xã T quản lý.

[1.3] Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm, ông Trần Văn V thừa nhận không đăng ký, kê khai theo quy định của pháp luật và không có tài liệu, chứng cứ chứng minh được Nhà nước giao các thửa đất này. Bên cạnh đó, khi cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, gia đình ông Trần Văn V có 03 nhân khẩu đã được địa phương cân đối giao đủ đất cho gia đình ông V.

Như vậy, các thửa đất số 882/260m², 888/1.435m², 1138/310m² và số 1197/929m² cùng tờ bản đồ 38 tại xã T khi thực hiện Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ thì gia đình ông V chưa quản lý, sử dụng. Khi thực hiện Nghị định 64 ngày 27/9/1993 của Chính phủ thì các thửa đất số 882/260m², 888/1.435m², 1138/310m² và số 1197/929m² cùng tờ bản đồ 38 tại xã T, Nhà nước không đưa vào để cân đối giao đất cho hộ gia đình, cá nhân mà đưa vào quỹ đất công ích do UBND xã T quản lý nhưng UBND xã T không

quản lý chặt chẽ, dẫn đến bị lấn chiếm và không ký hợp đồng cho thuê đất công ích là vi phạm quy định tại khoản Điều 72 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 3 Điều 132 Luật Đất đai năm 2013. Tuy nhiên, các thửa đất số 882, 888, 1138 và 1197 vẫn thuộc là đất công ích theo quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 1 Điều 132 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, ngày 30/12/2019, UBND huyện S ban hành các Quyết định thu hồi đất, có nội dung thu hồi đất công ích do UBND xã T quản lý theo các Quyết định số 5020/QĐ-UBND, số 5021/QĐ-UBND, số 5022/QĐ-UBND và số 5023/QĐ-UBND là có căn cứ.

[2] Như đã nhận định nêu trên; các thửa đất số 882, 888, 1138 và 1197 là đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của UBND xã T nên ông Trần Văn V không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 76 Luật đất đai 2013. Điểm d, khoản 1 Điều 76 Luật đất đai 2013 quy định như sau: “1. Các trường hợp không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm: ...d) Đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn;..”. Đồng thời, việc bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất được thực hiện theo Điều 3 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 1 Điều 6 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; theo đó, ông Trần Văn V được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 30% giá trị đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định hiện hành của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, hộ ông Trần Văn V được bồi thường theo Quyết định số 5202/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Việc ban hành các quyết định thu hồi các thửa đất công ích nêu trên của UBND huyện S là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai 2013 và đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 63, 67, 69 Luật Đất đai 2013, Điều 11 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất và Quyết định số 79/2017/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định trình tự, thủ tục khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

[4] Từ các nhận định trên, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn V.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Văn V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Bác kháng cáo của ông Trần Văn V và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ: Điều 66, 69, điểm d khoản 1 Điều 76; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ); khoản 1 Điều 6 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; các Điều 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39 và 40 Luật khiếu nại năm 2011; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: 1/ Bác đơn khởi kiện của ông Trần Văn V về các yêu cầu hủy các Quyết định sau đây:

- Hủy Quyết định số 5020/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 929m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1197, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất HNK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy Quyết định số 5021/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 260m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 882, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất HNK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy Quyết định số 5022/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 310m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1138, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất HNK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy Quyết định số 5023/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 1.435m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 888, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất HNK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy 01 phần Quyết định số 5202/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Văn V bị ảnh hưởng dự án: Khu Công nghiệp Vsip Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T, huyện S – phần đất nông nghiệp (đợt 23) liên quan đến bồi thường giá trị về đất.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1128/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi về việc bác nội dung khiếu nại đề ngày 26/3/2020 của ông Trần Văn V.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 36/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc không công nhận nội dung khiếu nại của ông Trần Văn V đối với yêu cầu hủy 01 phần Quyết định số 5202/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện S và hủy Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 08/07/2020 của Chủ tịch UBND huyện S.

2/ Ông Trần Văn V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm ông V đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 02280 ngày 18/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3/ Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra III – TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi (để biết);
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ngãi (để thi hành);
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh